

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Kiên Nhân

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 542/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Võ Thị Kiều T, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

( Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Kiều T trình bày như sau: Chị T yêu cầu ly hôn với anh B; Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 695.000đồng/tháng/01 cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Riêng cháu

Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Về nội dung vụ án: Chị Võ Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn B thống nhất trình bày như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 1999 chị T và anh B qua quen biết tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân sống chung với nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng khoảng 20 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay.

Về con chung: Chị T và anh B thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000 – đã trưởng thành; Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002 và cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008. Con riêng, con nuôi không có.

Về tài sản chung: Chị T và anh B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mất hạnh phúc theo lời trình bày của chị T do anh B hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhậu về thường hay kiểm chuyện chửi và đánh chị T, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, do thu buồn nên chị T nhiều lần bỏ nhà đi nhưng vẫn cố gắng quay về để vợ chồng hàn gắn nhưng anh B không thay đổi mà vẫn ghen tuông, cho nên đến tháng 12 năm 2018 vợ chồng ly thân sau cùng cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh B trình bày là do chị T thường hay bỏ nhà đi nhậu qua đêm tới sáng mới về nên anh B mới ghen tuông, còn việc anh B nhậu về vô cớ chửi vợ con thì không có mà chỉ la rầy những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình cũng như mâu thuẫn về vấn đề về kinh tế nên vợ chồng có thường xuyên cự cãi với nhau, ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác, vợ chồng ly thân sau cùng vào tháng 12/2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ yêu cầu ly với anh B; Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 695.000đồng/tháng/01 cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Riêng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh B yêu cầu được đoàn tụ với chị T vì còn thương vợ mong muốn vợ chồng hàn gắn về lo cho các con. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh B yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B cung cấp cho Tòa án thêm chứng cứ là một tờ tường trình, hình thức đánh máy, ghi ngày 05/3/2019.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình không phải tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị T giữ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B; Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002, chị Võ Thị Kiều T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 695.000đồng/tháng/01 cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Riêng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh B giữ yêu cầu được đoàn tụ với chị T để vợ chồng về lo cho con. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh B yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị T và anh B tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B là có cơ sở xem xét.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo chị T là do anh B luôn ghen tuông vô cớ, nhậu về thường hay kiếm chuyện cự cãi đánh chị T nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chị T nhiều lần tha thứ để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh B vẫn không thay đổi. Hơn nữa, chị T xác định hiện tại đã không còn tình cảm vợ chồng với anh B nên cương quyết ly hôn.

Về phía anh B cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn hết, anh B thừa nhận có ghen tuông nhưng là do chị T thường xuyên đi nhậu với bạn bè không lo cho các con, việc chị T nói anh B nhậu về kiếm chuyện chửi và đánh vợ và các con là không có vì hiện tại anh B còn thương vợ và không muốn các con phải buồn, mong muốn được đoàn tụ.

Từ những lời trình bày của chị T và anh B cho thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do thiếu tin tưởng lẫn nhau, thiếu sự quan tâm, thông cảm và chia sẻ cùng nhau. Cả hai vợ chồng chị T và anh B không tự giải quyết được những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn trầm trọng nhiều hơn không thể hàn gắn lại được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kiều T đối với anh Nguyễn Văn B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ;

[2.2] Xét về con chung: Tại phiên tòa chị T giữ yêu cầu xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002. Tại tòa hôm nay chị T thay đổi yêu cầu là chị T chỉ yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là cháu Thái H mỗi tháng 695.000đồng/tháng cho đến khi cháu Thái H tròn 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là cháu Kim N vì hiện nay cháu N đã tự đi làm nuôi sống được bản thân. Riêng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh B cho rằng khi vợ chồng ly hôn thì anh B cũng yêu cầu xin được nuôi hai con là cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con riêng, con nuôi không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc chị T yêu cầu xin được nuôi cháu Nguyễn Thái H là chưa có cơ sở để xem xét. Bởi vì: Tại phiên tòa hôm nay cháu Nguyễn Thái H có ý kiến khi cha và mẹ ly hôn với nhau là nguyện vọng của cháu Thái H yêu cầu xin được

tiếp tục sống với cha là anh B, mà hơn thế nữa khi chị T tự ý bỏ nhà đi làm tại Thành Phố Hồ Chí Minh thì anh B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thái H, lo cho cháu Hòa ăn học đàng hoàng, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt thể chất, tinh thần của cháu Thái H, tránh làm xáo trộn về tâm sinh lý của cháu khi thay đổi chỗ ở, trường học và môi trường sống và tại Tòa anh B cũng yêu cầu xin được tiếp tục nuôi cháu Thái H. Phía anh Bẫy yêu cầu xin được nuôi cháu Kim N là chưa có cơ để xem xét. Vì tại bảng khai ngày 19/12/2018 của cháu N khi cha và mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu N yêu cầu được sống với mẹ là chị T. Từ những nhận định đã nêu trên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Hội đồng xét xử chấp nhận một yêu cầu về việc xin được nuôi con của chị T và anh B là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 cho anh B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng

Giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002 cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng

Riêng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Kiều T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là cháu N và anh Nguyễn Văn B cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là cháu Thái H. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đề giải quyết.

Chị T và anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm mon con mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. nên không đặt ra để xem xét

[2.4] Xét về nợ chung: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. nên không đặt ra để xem xét

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Kiều T phải nộp số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011467, ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Võ Thị Kiều T;

- Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B;

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 17/7/2002 cho chị Võ Thị Kiều T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

+ Giao cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 08/7/2008 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Riêng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 30/7/2000, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Kiều T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là cháu N và anh Nguyễn Văn B cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là cháu Thái H. Nên không đặt ra xem xét để giải quyết.

Chị T và anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm mon con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Võ Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra xem xét để giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Kiều T phải nộp số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011467, ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- UBND xã Phú Lộc: 01
- Đường sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Nguyễn Thị Tuyết Sương**